

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

### 男子 2005 年組 - 100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 7	LAU TSUN SAN	劉浚申	1	14.99"	

### 男子 2005 年組 - 200米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	YUEN HO CHUEN	袁灝顯	2	29.54"	
	1 - 5	LAU TSUN SAN	劉浚申	1	DNS	

### 男子 2005 年組 - 800米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	YUEN HO CHUEN	袁灝顯	2	2'40.41"	

### 男子 2005 年組 - 跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 1	LAU TSUN SAN	劉浚申	1	04.18 m.	

### 男子 2006 年組 - 100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 2	CHAN CHUNG YIN	陳鍾賢	7	14.87"	
2	1 - 6	LIAO TOI FUNG VINCENT	廖代鋒	17	14.93"	
3	1 - 4	Lee Chun Yiu	李雋堯	16	15.11"	
4	1 - 5	CHENG HO FUNG	鄭皓豐	11	15.22"	
5	2 - 4	Tai Cheuk Yin	戴卓賢	22	15.88"	
6	1 - 3	CHOW HIU LOK	周曉樂	12	16.01"	
7	2 - 5	Wai Cheong Hung	韋昌鴻	25	16.44"	
8	2 - 6	HUANG MING HO	黃銘豪	15	16.92"	
9	2 - 3	CHAN KIN TO	陳建滔	8	17.89"	
	2 - 2	CHAN SI LONG	陳思朗	9	DNS	

### 男子 2006 年組 - 200米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 2	CHOW SING HONG	周乘匡	13	29.80"	
2	1 - 5	TANG LOK NING	鄧樂甯	23	32.62"	
3	1 - 3	CHOW HIU LOK	周曉樂	12	33.25"	
4	1 - 7	Ho Chi Hin	何智軒	14	35.50"	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

5	1 - 8	CHAN CHUN YIN	陳俊諺	6	36.77"
6	1 - 6	WONG YIK LAM TERENCE	黃奕霖	26	37.31"
	1 - 4	CHAN SI LONG	陳思朗	9	DNS

### 男子 2006 年組 - 4X100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
	1 - 5	APSSS			DQ	

### 男子 2006 年組 - 60米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 5	CHOW SING HONG	周乘匡	13	08.90"	
2	1 - 4	CHAN CHUNG YIN	陳鍾賢	7	09.12"	
3	1 - 6	PAN YAT LONG	潘逸朗	20	09.38"	
4	1 - 7	CHENG HO FUNG	鄭皓豐	11	09.39"	
5	1 - 2	CHEN LAP HANG	陳立衡	10	09.79"	
6	1 - 8	Tai Cheuk Yin	戴卓賢	22	09.82"	
7	1 - 3	CHAN KIN TO	陳建滔	8	10.90"	
	1 - 1	CHAN SI LONG	陳思朗	9	DNS	

### 男子 2006 年組 - 800米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 7	PO CHEUK HIM	布卓謙	21	2'47.85"	
2	1 - 6	NIP LONG HO ADRIAN	聶朗皓	19	3'02.52"	
3	1 - 9	CHOW HIU LOK	周曉樂	12	3'05.74"	
4	1 - 5	LIAO TOI FUNG VINCENT	廖代鋒	17	3'09.82"	
5	1 - 2	WONG YIK LAM TERENCE	黃奕霖	26	3'14.84"	
6	1 - 8	CHAN CHUN YIN	陳俊諺	6	3'19.55"	

### 男子 2006 年組 - 跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 6	NG YUI HEI SEAN	吳睿熙	18	04.13 m.	
2	1 - 9	TSE HO YIN	謝澔賢	24	04.09 m.	
3	1 - 4	TANG LOK NING	鄧樂甯	23	03.92 m.	
4	1 - 5	LIAO TOI FUNG VINCENT	廖代鋒	17	03.81 m.	
5	1 - 8	NIP LONG HO ADRIAN	聶朗皓	19	03.74 m.	
6	1 - 1	Lee Chun Yiu	李雋堯	16	03.73 m.	
7	1 - 3	CHAN SI LONG	陳思朗	9	03.39 m.	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

8	1 - 2	HUANG MING HO	黃銘豪	15	03.33 m.
9	1 - 7	PAN YAT LONG	潘逸朗	20	03.31 m.

### 男子 2007 年組 - 100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	CHAU HO YIN	周昊賢	42	14.06"	
2	1 - 2	LAU KA LUN HAMISH	劉珈麟	50	14.76"	
3	2 - 3	WONG SHUN HANG ISAAC	黃信行	58	15.25"	
4	1 - 5	WONG TO LAM VITO	黃韜霖	59	15.28"	
5	1 - 6	WU CHUN FAI	吳俊暉	60	15.72"	
6	1 - 3	Cheung King Tong	張景棠	45	16.11"	
7	1 - 8	NG CHUN HEI	吳震熹	54	16.21"	
8	2 - 7	CHU HO HIN	朱豪軒	49	16.32"	
9	2 - 6	YANG KA YUI	楊家睿	62	16.49"	
10	1 - 7	YANG HO KAN	楊皓勤	61	16.74"	
11	2 - 5	TANG HAU YIN	鄧孝彥	56	16.76"	
12	2 - 2	CHEUNG KWOK JIN	張國津	46	18.03"	
13	2 - 4	CHAN SZE MING	陳思銘	41	18.31"	

### 男子 2007 年組 - 200米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	LAU KA LUN HAMISH	劉珈麟	50	30.81"	
2	1 - 5	WONG TO LAM VITO	黃韜霖	59	31.66"	
3	2 - 2	WONG SHUN HANG ISAAC	黃信行	58	32.38"	
4	1 - 7	CHOW YAN CHI VINCI	周殷摯	48	32.54"	
5	2 - 6	CHEN TSANG YUI	陳錚睿	43	33.16"	
6	1 - 2	WU CHUN FAI	吳俊暉	60	33.64"	
7	2 - 3	CHU HO HIN	朱豪軒	49	35.36"	
8	2 - 4	TANG TSZ HIM	鄧子謙	57	40.13"	
9	2 - 5	NG TSZ HO	吳梓顥	55	40.52"	
10	1 - 6	LING SAM	凌琛	52	43.13"	

### 男子 2007 年組 - 4X100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 6	楊皓勤之隊			1'05.77"	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

### 男子 2007 年組 - 60米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 7	CHAU HO YIN	周昊賢	42	08.76"	
2	2 - 7	LAU KA LUN HAMISH	劉珈麟	50	09.21"	
3	1 - 2	WONG TO LAM VITO	黃韜霖	59	09.44"	
4	2 - 2	LOW HO LUM	劉濔霖	53	09.59"	
5	1 - 3	WU CHUN FAI	吳俊暉	60	09.61"	
6	1 - 1	CHEN XI LONG	陳熙龍	44	09.66"	
7	2 - 4	NG CHUN HEI	吳震熹	54	09.82"	
8	1 - 5	Cheung King Tong	張景棠	45	09.86"	
9	2 - 6	YANG KA YUI	楊家睿	62	09.99"	
10	2 - 5	CHU HO HIN	朱豪軒	49	10.03"	
11	2 - 8	TANG HAU YIN	鄧孝彥	56	10.07"	
12	1 - 6	YANG HO KAN	楊皓勤	61	10.13"	
13	1 - 4	CHOI HONG YAU	蔡劭祐	47	10.37"	
14	1 - 8	CHAN SZE MING	陳思銘	41	10.47"	
15	2 - 3	CHEUNG KWOK JIN	張國津	46	10.87"	

### 男子 2007 年組 - 800米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	HSU RUI XUAN	許睿軒	257	3'19.64"	
2	1 - 10	TANG TSZ HIM	鄧子謙	57	3'28.99"	
3	1 - 1	LING SAM	凌琛	52	3'34.57"	

### 男子 2007 年組 - 跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 8	LAU LIK HANG	劉力行	51	04.07 m.	
2	1 - 7	CHEN TSANG YUI	陳錚睿	43	03.95 m.	
3	1 - 2	CHOW YAN CHI VINCI	周殷摯	48	03.82 m.	
4	1 - 6	CHEN XI LONG	陳熙龍	44	03.70 m.	
5	1 - 1	CHOI HONG YAU	蔡劭祐	47	03.18 m.	
	1 - 4	CHAN SZE MING	陳思銘	41	NM	
	1 - 5	LOW HO LUM	劉濔霖	53	DNS	
	1 - 3	WONG TO LAM VITO	黃韜霖	59	DNS	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

### 男子 2008 年組 - 100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 6	LEUNG TSZ HIN BOSCO	梁梓軒	101	15.23"	
2	1 - 8	TSE CHUN HEI	謝駿禧	105	16.38"	
3	1 - 5	CO SIN CHING ZION	許善清	94	16.43"	
4	1 - 2	TO KAI CHIT	杜肇哲	104	16.63"	
5	2 - 7		關智中	91	17.66"	
6	1 - 4		歐陽耀輝	90	17.67"	
7	2 - 2	WU CHUN YU	吳俊宇	108	17.75"	
8	1 - 7	YAN PAK TING	顏柏霆	109	17.79"	
9	2 - 4	SIN NGO LSM	冼翱藍	102	17.87"	
10	2 - 6	CHUNG WING CHUN	鍾穎進	93	18.60"	
11	2 - 5	WONG CHI LONG	黃智朗	107	19.15"	
	1 - 3	HERNANDEZ SEVERO	劉安仁	96	DNS	
	2 - 3	LEE CHEUK WING	李卓穎	100	DNS	

### 男子 2008 年組 - 200米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	LEUNG TSZ HIN BOSCO	梁梓軒	101	34.64"	
2	1 - 4	ETHAN KAN	簡栢翹	95	36.96"	
	1 - 5	LEE CHEUK WING	李卓穎	100	DNS	

### 男子 2008 年組 - 60米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	2 - 6	Wai Cheong Lok	韋昌樂	106	09.70"	
2	2 - 2	TSE CHUN HEI	謝駿禧	105	09.90"	
3	3 - 7	Lai Chin Long	賴展朗	99	09.91"	
4	1 - 4	TO KAI CHIT	杜肇哲	104	10.00"	
5	2 - 3	CO SIN CHING ZION	許善清	94	10.09"	
6	3 - 4	TANG ON KIT	鄧安傑	103	10.14"	
7	2 - 7	CHAN BO JUN	陳博俊	92	10.16"	
8	3 - 3		歐陽耀輝	90	10.44"	
9	3 - 2	HUANG MAN HEI	黃文熹	97	10.52"	
10	1 - 2	ETHAN KAN	簡栢翹	95	10.68"	10.672"
11	1 - 3	YAN PAK TING	顏柏霆	109	10.68"	10.677"
12	1 - 7	SIN NGO LSM	冼翱藍	102	10.69"	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

13	1 - 6	WU CHUN YU	吳俊宇	108	10.81"
14	3 - 5	CHUNG WING CHUN	鍾穎進	93	10.89"
15	1 - 5		關智中	91	10.91"
16	3 - 6	WONG CHI LONG	黃智朗	107	11.21"
17	2 - 4	HUI PAAK KIU	許珀僑	98	11.47"
18	2 - 5	HERNANDEZ SEVERO	劉安仁	96	13.74"

### 男子 2008 年組 - 跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 5	TANG ON KIT	鄧安傑	103	03.60 m.	
2	1 - 8	TO KAI CHIT	杜肇哲	104	03.44 m.	
3	1 - 4	LEUNG TSZ HIN BOSCO	梁梓軒	101	03.36 m.	
4	1 - 1	Wai Cheong Lok	韋昌樂	106	03.18 m.	
5	1 - 7	CHAN BO JUN	陳博俊	92	02.89 m.	
6	1 - 6	WONG CHI LONG	黃智朗	107	02.24 m.	
	1 - 2	HERNANDEZ SEVERO	劉安仁	96	DNS	
	1 - 3	LEE CHEUK WING	李卓穎	100	DNS	

### 男子 2009 年組 - 100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 5	LEE KA CHAI	利家齊	136	15.94"	
2	2 - 8	WONG SZE POK	黃詩博	177	15.99"	
3	1 - 4	LEE TIN LONG	李天朗	166	16.59"	
4	1 - 8	LAM PAK YUI	林柏洸	133	16.87"	
5	2 - 2	KAN SIU KIN	簡兆鍵	132	17.31"	
6	2 - 4	LAU CHEUK YIN	劉卓諺	134	17.69"	
7	2 - 5	CHEN SHU DI	陳書棣	129	17.96"	
8	1 - 2	LIAN HOI YUK	連愷煜	138	18.80"	
9	2 - 7	LAU LOK WANG	劉樂弘	135	19.25"	
10	1 - 7	CHO JADYN	曹沁樂	130	19.57"	
11	1 - 3	LI HO CHING	李浩正	137	19.61"	
12	2 - 1	TSANG WAI CHEUNG	曾瑋翔	140	19.68"	
13	2 - 3	CHOW CHING LIM	鄒正廉	131	19.72"	
14	2 - 6	CHAN HONG CHING	陳康正	127	20.31"	
	1 - 6	MAN PAK LAM	文柏藍	139	DNS	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

### 男子 2009 年組 - 200米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 6	LEE KA CHAI	利家齊	136	34.50"	
2	1 - 5	LAM PAK YUI	林柏汭	133	35.06"	
3	1 - 8	WONG SZE POK	黃詩博	177	35.19"	
4	1 - 2	LIAN HOI YUK	連愷煜	138	38.73"	
5	1 - 4	CHEN SHU DI	陳書棣	129	39.30"	
6	1 - 3	CHAN PAK YUI	陳柏睿	128	40.11"	
7	1 - 7	LAU LOK WANG	劉樂弘	135	41.80"	

### 男子 2009 年組 - 4X100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	LCT 3			1'12.72"	

### 男子 2009 年組 - 60米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	3 - 6	WONG SZE POK	黃詩博	177	09.83"	
2	2 - 7	LEE KA CHAI	利家齊	136	10.21"	
3	3 - 4	LEE TIN LONG	李天朗	166	10.22"	
4	1 - 4	KAN SIU KIN	簡兆鍵	132	10.30"	
5	2 - 6	LAU CHEUK YIN	劉卓諺	134	10.33"	
6	2 - 2	CHEN SHU DI	陳書棣	129	10.74"	
7	1 - 6	LIAN HOI YUK	連愷煜	138	11.02"	
8	1 - 8	LAU LOK WANG	劉樂弘	135	11.24"	
9	1 - 2	CHO JADYN	曹沁樂	130	11.30"	
10	1 - 7	CHOW CHING LIM	鄒正廉	131	11.42"	
11	2 - 5	LI HO CHING	李浩正	137	11.50"	
12	3 - 5	LIU TSZ KIU	廖梓翹	259	11.56"	
13	3 - 3	LIU TSZ NGO	廖梓?	260	11.73"	
14	2 - 3	CHAN HONG CHING	陳康正	127	12.02"	
15	3 - 7	TSANG WAI CHEUNG	曾瑋翔	140	12.32"	
16	2 - 4	YEUNG CHEUK LAM	楊卓霖	141	12.70"	
17	1 - 3	MAN PAK LAM	文柏藍	139	13.13"	

### 男子 2009 年組 - 60米欄

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
----	----	------	----	------	----	----

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

1	1 - 5	LAM PAK YUI	林柏洸	133	10.60"
2	1 - 4	CHOW CHING LIM	鄒正廉	131	12.16"
3	1 - 3	CHO JADYN	曹沁樂	130	12.33"

### 男子 2009 年組 - 跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 2	LAM PAK YUI	林柏洸	133	03.48 m.	
2	1 - 3	LEE TIN LONG	李天朗	166	02.37 m.	
3	1 - 1	KAN SIU KIN	簡兆鍵	132	02.30 m.	

### 男子 2010 年組 - 100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 7	AUSTIN LIU	劉瀚澤	155	17.19"	
2	1 - 2	KOO LAI CHING ADRIAN	顧禮政	163	17.37"	
3	1 - 4	WONG ANSON	王皓正	176	17.53"	
4	1 - 1	CHAN PAK YUI	陳柏睿	156	18.16"	
5	2 - 6	MARCUS LO CHING YIN	盧政賢	170	18.69"	
6	1 - 8	CHNG YONG XI HEIDEN	莊泳稀	160	19.42"	
7	2 - 7	LAW SHUN YAN	羅淳恩	165	19.43"	
8	2 - 4	LEUNG HO CHING	梁皓証	168	20.78"	
9	2 - 5	CHENG HEI YEUNG	鄭曦揚	158	21.13"	
10	2 - 8	CHOI CHEUK HEI	蔡卓熙	161	21.60"	
11	1 - 3	TSANG YAT HEI	曾逸侖	174	22.20"	
12	1 - 5	TANG TSZ HEI	鄧子希	173	23.21"	
	2 - 3	GAO HONG SEN	高鴻森	162	DNS	

### 男子 2010 年組 - 4X100米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	wask			1'11.07"	

### 男子 2010 年組 - 60米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 2	AUSTIN LIU	劉瀚澤	155	10.37"	
2	1 - 6	KOO LAI CHING ADRIAN	顧禮政	163	10.41"	
3	2 - 5	TANG NGO CHING	鄧翺政	172	11.32"	
4	2 - 3	CHEUNG PAK YIN	張珀然	159	11.35"	
5	3 - 7	CHAN PAK YUI	陳柏睿	156	11.36"	



# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

6	3 - 2	MARCUS LO CHING YIN	盧政賢	170	11.63"	
7	2 - 8	CHNG YONG XI HEIDEN	莊泳稀	160	11.66"	
8	2 - 7	LAW SHUN YAN	羅淳恩	165	11.78"	11.773"
9	3 - 4	SKY LAU	劉冠亨	171	11.78"	11.778"
10	3 - 5	GAO HONG SEN	高鴻森	162	11.78"	11.780"
11	1 - 4	LEUNG HO CHING	梁皓証	168	12.01"	
12	1 - 7	LEONG CHENG WANG	梁靖泓	167	12.02"	
13	1 - 5	CHOI CHEUK HEI	蔡卓熙	161	12.44"	
14	3 - 3	CHENG HEI YEUNG	鄭曦揚	158	12.53"	
15	3 - 6	LAI CHUN YUNG	黎晉榕	164	12.98"	
16	2 - 4	TANG TSZ HEI	鄧子希	173	13.26"	
17	2 - 6	CHEN KIU HEI	陳喬羲	157	13.33"	
	1 - 8	WU SIU CHUN	胡兆駿	178	DNS	

### 男子 2010 年組 - 60米欄

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 2	AUSTIN LIU	劉瀚澤	155	11.16"	
2	1 - 8	KOO LAI CHING ADRIAN	顧禮政	163	11.25"	
3	1 - 6	TANG NGO CHING	鄧翺政	172	11.75"	
4	1 - 7	WAI CHI TO	魏智濤	175	11.81"	11.802"
5	1 - 3	LAW SHUN YAN	羅淳恩	165	11.81"	11.805"
6	1 - 5	SKY LAU	劉冠亨	171	11.98"	
7	1 - 4	MARCUS LO CHING YIN	盧政賢	170	11.99"	
8	1 - 1	TANG TSZ HEI	鄧子希	173	13.73"	

### 男子 2010 年組 - 立定跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 2	TANG NGO CHING	鄧翺政	172	01.65 m.	
2	1 - 7	AUSTIN LIU	劉瀚澤	155	01.56 m.	
3	1 - 6	LEONG CHENG WANG	梁靖泓	167	01.54 m.	
4	1 - 4	SKY LAU	劉冠亨	171	01.53 m.	
5	1 - 9	LAW SHUN YAN	羅淳恩	165	01.49 m.	
6	1 - 3	WAI CHI TO	魏智濤	175	01.46 m.	
7	1 - 8	LEUNG HO CHING	梁皓証	168	01.45 m.	
8	1 - 5	CHNG YONG XI HEIDEN	莊泳稀	160	01.25 m.	
9	1 - 1	CHEN KIU HEI	陳喬羲	157	01.16 m.	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

### 男子 2010 年組 - 擲豆袋

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 1	LEUNG HO CHING	梁皓証	168	18.66 m.	
2	1 - 7	LUI TO MING	雷濤銘	169	18.34 m.	
3	1 - 3	LEONG CHENG WANG	梁靖泓	167	11.53 m.	
4	1 - 2	CHOI CHEUK HEI	蔡卓熙	161	09.89 m.	
5	1 - 4	MARCUS LO CHING YIN	盧政賢	170	09.82 m.	
6	1 - 9	CHEN KIU HEI	陳喬羲	157	08.81 m.	
7	1 - 8	TANG TSZ HEI	鄧子希	173	08.17 m.	
8	1 - 10	WONG LE SAGE OSCAR	黃滄滔	261	08.00 m.	
9	1 - 6	LAI CHUN YUNG	黎晉榕	164	07.85 m.	
10	1 - 5	TSANG YAT HEI	曾逸侖	174	05.54 m.	

### 男子 2011 年組 - 30米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	TANG CHEUK SING	鄧焯星	197	06.07"	
2	2 - 5	NG LOK HEI	吳諾熹	195	06.12"	
3	2 - 7	SUNG SZE LONG	宋思朗	265	06.50"	
4	2 - 3	LAM TSZ FUNG	林子峰	194	06.73"	
5	1 - 5	SO CHUN BUN RYAN	蘇俊彬	196	06.89"	
6	2 - 4	KONG CHING TIN	江正天	193	06.90"	
7	1 - 6	WAN SUNG HEI	尹崇熙	199	06.92"	6.913"
8	1 - 2	CHIM TSZ CHUN	詹梓進	191	06.92"	6.919"
9	1 - 3	CHU CHING YUNG	朱正容	192	07.45"	
10	2 - 6	TSANG CHAK PONG ARIEL	曾澤邦	198	07.47"	

### 男子 2011 年組 - 60米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 5	TANG CHEUK SING	鄧焯星	197	10.89"	
2	1 - 3	NG LOK HEI	吳諾熹	195	11.01"	
3	2 - 7	SUNG SZE LONG	宋思朗	265	11.95"	
4	1 - 4	SO CHUN BUN RYAN	蘇俊彬	196	12.59"	
5	2 - 3	CHIM TSZ CHUN	詹梓進	191	12.80"	
6	1 - 6	KONG CHING TIN	江正天	193	12.93"	
7	1 - 2	LAM TSZ FUNG	林子峰	194	13.16"	
8	2 - 4	WAN SUNG HEI	尹崇熙	199	13.32"	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

9	2 - 6	CHU CHING YUNG	朱正容	192	14.35"
10	2 - 5	TSANG CHAK PONG ARIEL	曾澤邦	198	14.81"

### 男子 2011 年組 - 60米欄

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 5	TANG CHEUK SING	鄧焯星	197	12.44"	
2	1 - 4	CHIM TSZ CHUN	詹梓進	191	13.68"	

### 男子 2011 年組 - 立定跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	NG LOK HEI	吳諾熹	195	01.53 m.	
2	1 - 4	TANG CHEUK SING	鄧焯星	197	01.40 m.	
3	1 - 2	TSANG CHAK PONG ARIEL	曾澤邦	198	00.73 m.	
	1 - 1	LAM TSZ FUNG	林子峰	194	DNS	
	1 - 5	SO CHUN BUN RYAN	蘇俊彬	196	DNS	

### 男子 2011 年組 - 擲豆袋

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 2	LAM TSZ FUNG	林子峰	194	08.33 m.	
2	1 - 6	TANG CHEUK SING	鄧焯星	197	08.11 m.	
3	1 - 1	KONG CHING TIN	江正天	193	07.82 m.	
4	1 - 4	CHU CHING YUNG	朱正容	192	05.11 m.	
5	1 - 5	TSANG CHAK PONG ARIEL	曾澤邦	198	03.83 m.	
	1 - 3	SO CHUN BUN RYAN	蘇俊彬	196	DNS	

### 男子 2012 年組 - 30米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	YEUNG WING HANG	楊永鏗	219	06.50"	
2	2 - 6	CHOW SING KWONG	周乘光	209	06.85"	
3	2 - 5	WONG LAI HIM CARICO	黃禮謙	218	07.15"	
4	1 - 7	LAI HOK HIM	黎學謙	212	07.34"	
5	2 - 7	SUNG HO LONG	宋皓朗	266	07.40"	
6	1 - 6	LI NGO CHING	李翱程	213	07.80"	
7	1 - 5	WONG HO YEUNG	王浩暘	217	07.98"	
8	2 - 4	WONG CHA TON	王卓邦	216	08.13"	
9	1 - 2	CHIU CHEUK KIU AUSTIN	趙倬嶠	208	08.49"	
10	2 - 3	HO HO CHAK	何昊澤	211	08.95"	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

1 - 4 HO CHEUK HIM 何綽謙 210 DNS

### 男子 2012 年組 - 60米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 6	YEUNG WING HANG	楊永鏗	219	12.73"	
2	1 - 4	LO SHUN HEI	盧舜希	214	13.53"	
3	2 - 4	LAI HOK HIM	黎學謙	212	14.03"	
4	1 - 1	WONG CHA TON	王卓邦	216	14.48"	
5	1 - 5	LI NGO CHING	李翱程	213	14.56"	
6	1 - 8	CHIU CHEUK KIU AUSTIN	趙倬嶠	208	15.27"	
7	2 - 5	SUNG HO LONG	宋熿朗	266	20.87"	
	1 - 2	CHOW SING KWONG	周乘光	209	DNS	
	1 - 7	HO CHEUK HIM	何綽謙	210	DNS	
	1 - 3	HO HO CHAK	何昊澤	211	DNS	

### 男子 2012 年組 - 60米欄

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	YEUNG WING HANG	楊永鏗	219	13.72"	
2	1 - 5	LAI HOK HIM	黎學謙	212	14.50"	
3	1 - 4	WAI CHI SHING	魏智晟	215	15.33"	

### 男子 2012 年組 - 立定跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 8	LAI HOK HIM	黎學謙	212	01.29 m.	
2	1 - 3	YEUNG WING HANG	楊永鏗	219	01.21 m.	
3	1 - 1	WONG LAI HIM CARICO	黃禮謙	218	01.02 m.	
4	1 - 5	WAI CHI SHING	魏智晟	215	00.99 m.	0.98m.
5	1 - 7	CHOW SING KWONG	周乘光	209	00.99 m.	0.90m.
6	1 - 6	HO HO CHAK	何昊澤	211	00.92 m.	
7	1 - 2	LI NGO CHING	李翱程	213	00.75 m.	

### 男子 2012 年組 - 擲豆袋

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 1	CHOW SING KWONG	周乘光	209	13.59 m.	
2	1 - 2	WONG LAI HIM CARICO	黃禮謙	218	07.51 m.	
3	1 - 6	YEUNG WING HANG	楊永鏗	219	07.03 m.	
4	1 - 7	WONG HO YEUNG	王浩暘	217	05.89 m.	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

5	1 - 8	LAI HOK HIM	黎學謙	212	05.67 m.
6	1 - 4	LI NGO CHING	李翱程	213	04.90 m.
7	1 - 5	HO HO CHAK	何昊澤	211	04.46 m.

### 男子 2013 年組 - 20米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 2	WONG SHI YIN ARNOLD	黃仕賢	241	05.48"	
2	1 - 4	WONG WAI LOK TORRES	黃偉烙	233	05.49"	
3	1 - 6	CHAU YAT CHING GODRIC		231	05.90"	
4	1 - 3	YIM YU HEI	嚴宇希	234	06.01"	
5	1 - 7	CHENG CHUNG HIN	鄭仲軒	263	06.31"	
	1 - 5	WONG TIN NOK	王天諾	232	DNS	

### 男子 2013 年組 - 30米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	CHAN YIN LOK AIDEN	陳彥諾	230	06.89"	
2	1 - 4	WONG WAI LOK TORRES	黃偉烙	233	07.81"	
3	1 - 7	WONG SHI YIN ARNOLD	黃仕賢	241	07.87"	
4	1 - 6	CHENG CHUNG HIN	鄭仲軒	263	08.78"	
5	1 - 5	YIM YU HEI	嚴宇希	234	08.90"	

### 男子 2013 年組 - 60米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	CHAN YIN LOK AIDEN	陳彥諾	230	13.83"	
2	1 - 3	CHAU YAT CHING GODRIC		231	15.50"	
3	1 - 5	CHAN SZE LONG	陳師朗	229	24.14"	

### 男子 2013 年組 - 立定跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	WONG WAI LOK TORRES	黃偉烙	233	01.10 m.	
2	1 - 6	CHENG CHUNG HIN	鄭仲軒	263	00.95 m.	
3	1 - 3	CHAU YAT CHING GODRIC		231	00.90 m.	
4	1 - 2	CHAN YIN LOK AIDEN	陳彥諾	230	00.83 m.	
5	1 - 5	WONG SHI YIN ARNOLD	黃仕賢	241	00.65 m.	
	1 - 1	WONG TIN NOK	王天諾	232	DNS	

# 飛達田徑會

## 飛達暑期測試賽 2017

### 男子 2013 年組 - 擲豆袋

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 1	CHAN YIN LOK AIDEN	陳彥諾	230	06.79 m.	
2	1 - 5	WONG SHI YIN ARNOLD	黃仕賢	241	05.55 m.	
3	1 - 2	WONG WAI LOK TORRES	黃偉烙	233	04.61 m.	
4	1 - 4	CHAU YAT CHING GODRIC		231	04.01 m.	
5	1 - 3	CHAN SZE LONG	陳師朗	229	03.65 m.	

### 男子 2014 年組 - 20米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 5	LEUNG HO BOK	梁皓博	245	06.05"	
2	1 - 4	TANG HO MING JASPER	鄧賀銘	246	07.78"	
3	1 - 3	CHAN LOK HEI MARCUS	陳樂希	243	09.03"	
4	1 - 2	CALEB LIAO	廖禧朗	242	11.24"	
5	1 - 6	LAW CHUN HANG	羅駿亨	244	29.36"	

### 男子 2014 年組 - 30米

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 6	TANG HO MING JASPER	鄧賀銘	246	10.88"	
2	1 - 3	LEUNG HO BOK	梁皓博	245	10.98"	
3	1 - 2	CALEB LIAO	廖禧朗	242	12.03"	
4	1 - 5	CHAN LOK HEI MARCUS	陳樂希	243	12.81"	
	1 - 4	LAW CHUN HANG	羅駿亨	244	DNS	

### 男子 2014 年組 - 立定跳遠

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 1	CALEB LIAO	廖禧朗	242	00.73 m.	
2	1 - 3	TANG HO MING JASPER	鄧賀銘	246	00.71 m.	
3	1 - 2	LAW CHUN HANG	羅駿亨	244	00.48 m.	